TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 713/2024/QĐST- HNGĐ	*Quận Hai Bà Trưng, ngày 22 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 638/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thu H, sinh năm 1990; Nơi ĐKNKTT: Số xx B, phường N, quận H, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số xx ngõ 119 H, phường N, quận Đ, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Số xx B, phường N, quận H, Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thu H và anh Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu H và anh Nguyễn Thành T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lâm V, sinh ngày 14/01/2017. Anh chị thống nhất thoả thuận giao cháu Nguyễn Lâm V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Lâm V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác. Vợ chồng tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà không xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thu H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Hai Bà Trưng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0024322 ngày 08 tháng 10 năm 2024. Hoàn trả lại chị H số tiền là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- UBND Phường B, quận H, HN;
(GCNKH số 18/2018 ngày 16/3/2018);
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Oanh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; nếu Tòa án ra thông báo là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc T ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc T ương thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2), (3), (4) và (5) Ghi lần lượt đương sự của vụ án và tư cách tham gia tố tụng của họ. Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của người được thông báo; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức được thông báo (ghi theo đơn khởi kiện). Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Kính gửi: Ông Nguyễn Văn A).

(6) Ghi đầy đủ nội dung các vấn đề cần hòa giải trong vụ án (ví dụ: trong vụ án ly hôn các vấn đề cần được hoà giải có thể bao gồm: quan hệ hôn nhân, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng và các vấn đề khác có liên quan, (nếu có)).